

THE 9TH INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS:
INTERDISCIPLINARY RESEARCH IN
LINGUISTICS AND LANGUAGE EDUCATION

KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ
NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH
VỀ NGÔN NGỮ VÀ GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ
LẦN THỨ IX



UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES,
HUE UNIVERSITY

57 Nguyen Khoa Chiem, Hue City, VietNam
(+84) 234.3830 677
hufils@hueuni.edu.vn ; hucfi@hueuni.edu.vn
hufils.edu.vn



Sách không bán

Nhiều Tác Giả

THE 9TH INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS:
INTERDISCIPLINARY RESEARCH IN LINGUISTICS AND LANGUAGE EDUCATION
KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ
NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH VỀ NGÔN NGỮ VÀ GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ LẦN THỨ IX

HUE UNIVERSITY PUBLISHING HOUSE



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ
UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES,
HUE UNIVERSITY



NHIỀU TÁC GIẢ

THE 9TH INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS:
INTERDISCIPLINARY RESEARCH IN
LINGUISTICS AND LANGUAGE EDUCATION

KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ
NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH
VỀ NGÔN NGỮ VÀ GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ
LẦN THỨ IX



HUE UNIVERSITY PUBLISHING HOUSE



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ
UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES
HUE UNIVERSITY



THE 9TH INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS:
INTERDISCIPLINARY RESEARCH IN
LINGUISTICS AND LANGUAGE EDUCATION

KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ
NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH
VỀ NGÔN NGỮ VÀ GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ
LẦN THỨ IX

HUE UNIVERSITY PUBLISHING HOUSE

Hue, 2024

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Nghiên cứu liên ngành về ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ lần thứ IX = The 9th International Conference proceedings: Interdisciplinary research in linguistics and language education / Nguyễn Văn Hiệp, Ruanni Tupas, Akkarapon Nuemaihom ... - Huế : Đại học Huế, 2024. - 816 tr. : hình vẽ ; 27 cm

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Ngoại ngữ. - Thư mục cuối mỗi bài

ISBN 978-604-489-031-9

1. Ngôn ngữ 2. Giảng dạy 3. Kỷ yếu hội thảo

407.1 - dc23

DUH0315p-CIP

Mã số sách: NC/66-2024

EDITORIAL COUNCIL

Editor-in-chief

Assoc. Prof. Dr. Pham Thi Hong Nhung

Deputy editor-in-chief

Dr. Nguyen Van Huy

Secretary

Dr. Vo Thi Lien Huong

- | | |
|------------------------------|-----------------------------|
| 1. Dr. Vo Trung Dinh | 7. Dr. Ho Viet Hoang |
| 2. Dr. Tran Quang Ngoc Thuy | 8. Dr. Le Thi Thanh Hai |
| 3. Dr. Nguyen Thi Thanh Binh | 9. Dr. Nguyen Thi Huong Hue |
| 4. Dr. Nguyen Thi Huong Tra | 10. Dinh Thi Thu Hien, MA |
| 5. Nguyen Khanh, MA | 11. Nguyen Xuan Quynh, MA |
| 6. Truong Khanh My, MA | |

Address: Office of Research Management & International Cooperation

University of Foreign Languages and International Studies, Hue University

57 Nguyen Khoa Chiem, Hue City, Vietnam

Tel: (84-234) 3.830.722

Fax: (84-234) 3.830.720

Email: hucfl@hueuni.vn

Website: www.huflis.edu.vn

FOREWORDS

Today, the interdisciplinary approach to research has become inevitable. In response to this trend, the University of Foreign Languages and International Studies, Hue University, Vietnam, organizes the annual Conference on Interdisciplinary Research in Linguistics and Language Education to offer an academic forum for scholars to exchange, update and report their research results, as well as trends and approaches in language education. It also opens the opportunity to connect scholars and form interdisciplinary research groups among universities and institutions, increasing academic exchanges and cooperation among national and international scholars, accordingly.

The conference this year was organized in conjunction with Thailand's Buriram Rajabhat University, The University of Languages and International Studies, VNU Hanoi, and **The University of Foreign Language Studies, University of Danang**, Vietnam. It attracted participants from provinces in Vietnam such as Vinh, Nghe An, Quang Binh, Da Nang, An Giang, Ho Chi Minh City, and Can Tho, as well as scholars from China, Thailand, and Japan. The conference has contributed to maintaining HUFLIS academic growth and reputation.

Among some 80 full texts by authors from nearly 20 domestic and foreign universities, colleges, institutes, 68 papers were selected after a process of blind review and editing for the official publication in the present proceedings. The papers in the present proceedings were organized under themes in the same vein as the parallel sessions of the conference.

The HUFLIS Academic Council and the conference organizers would like to take this opportunity to extend the acknowledgment of the reviewers and editors for their devotion and high-quality editorial work. Special thanks are to the staff of the Hue University Publishing House for their support and assistance with the proceedings publication.

Best regards.

Head of the Academic Council

Assoc. Prof. Dr. Pham Thi Hong Nhung

MỤC LỤC

	<i>Báo cáo phiên toàn thể 1 - Plenary session 1</i>		
1	Nguyễn Văn Hiệp	Cách tiếp cận dị thanh (heteroglossia) đối với nghiên cứu tình thái trong tiếng Việt	2
	<i>Báo cáo phiên toàn thể 2 - Plenary session 2</i>		
2	Ruanni Tupas	The dangers of stereotyping in intercultural and language education	22
	<i>Báo cáo phiên toàn thể 3 - Plenary session 3</i>		
3	Akkarapon Nuemaihom	Translanguaging for english language education in Thailand: Uncovering thai EFL students' insights	24
	<i>Session 1</i>		
	<i>Linguistics (ENG)</i>		
4	Phạm Thị Hồng Nhung, Phạm Thị Tuyết Nhung	Metaphors for grammar instruction in EFL teachers' discourse	26
5	Trần Thị Quỳnh, Đặng Thị Thanh Hương, Nguyễn Ngọc Anh	Conceptual metaphors of mother representations in the 21st century American and Vietnamese songs	36
6	Đỗ Thị Xuân Dung, Trần Thị Huyền Gấm	The relational values of the lexis in Vietnamese journalistic discourse written about women	48
7	Nguyễn Thị Thanh Bình, Hồ Đỗ Quỳnh Như, Thái Tôn Phùng Diễm	Attitudes towards Vietnamese language maintenance in Vietnamese American families	59
8	Phạm Hoàng Long Biên	Linguistic depiction of mother's roles as children's playmate in English and Vietnamese mommy blogs: A comparative study	77
9	Trần Như Quỳnh, Phạm Thị Nguyên Ái	The use of verb-preposition collocations in academic essays by EFL University Students at HUFLIS	86
10	Đinh Công Tiến Đạt	Nominalization in academic writing: A study into English-major students' essays	98
11	Nguyễn Thị Thanh Hà	Unraveling Linguistics Challenges in The Usage of Supply Chain Management Terminology: Insights from EFL Students Majoring Logistics	118
12	Đỗ Thị Hồng Hà, Nguyễn Thuý Ngọc	The lexicalization patterns of manner motion events in Vietnamese	134

	Session 2 Ngôn ngữ học (VIE)		
13	Nguyễn Thị Khánh Vân	Đối chiếu uyển ngữ trong thư tín thương mại tiếng Trung và tiếng Việt	152
14	Nguyễn Hà Thảo Ngân, Hoàng Thị Linh Giang	Thành ngữ tiếng Anh có chứa từ chỉ màu sắc: ý nghĩa của “trắng” và “đen” trong ngôn ngữ và văn hóa	165
15	Huỳnh Diên Tường Thụy	Nghiên cứu phương thức ẩn dụ trong các văn bản đọc hiểu trong sách học Cosmopolite	179
16	Võ Thị Mai Hoa, Chế Viết Đông, Lê Thị Thùy Linh	Uyển ngữ trong đàm phán thương mại tiếng Hán	191
17	Đinh Thị Thanh Mai, Lại Minh Uyên	Học người xưa cách giáo dục con cháu qua Lê Triều Nguyễn Tướng Công Gia Huấn Ca (黎朝阮將公家訓歌)	200
18	Võ Trung Định, Hồ Thị Thùy Liên	Phân tích lỗi sử dụng bổ ngữ khả năng tiếng Hán của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trình độ trung cấp	212
19	Hoàng Thúy Hà	Phát triển tư duy phản biện của sinh viên Việt Nam trong giờ học ngôn ngữ	221
20	Lê Đỗ Thanh Hiền	Chiến lược chúc mừng và hồi đáp lời chúc mừng trong tiếng Anh	234
21	Trương Chí Hùng	Một số chiến lược giao tiếp trong diễn ngôn ca dao về tình yêu đôi lứa ở dạng đối đáp	247
	Session 3 Translation Studies (ENG)		
22	Võ Thị Liên Hương	The Effects of Critical Thinking on Students’ Translation Quality: A Pre-Experimental Study	260
23	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	A study on textual equivalence between an Australian short story and its Vietnamese translation	270
24	Phan Thị Thanh Thảo	Attitudes of HUFLIS students towards the Cat Tool’s modules in the chatgpt era	281
25	Trần Thị Thảo Phương, Trần Thị Thu Sương	Online translation training: Experiences and insights from English translation majors	296
26	Vũ Việt Phương, Đỗ Thị Tiểu Yến	The exploration and assessment of applying of food technology concepts among EFL Students	315

	Session 4 Dịch thuật (VIE)		
27	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Dịch thuật tiêu đề phim bộ truyền hình Trung Hoa sang tiếng Việt: Thành công và hạn định	334
28	Phan Thị Mỹ Trang, Dương Thị An, Nguyễn Thị Như Diệp, Đinh Điền, Trần Thị Minh Phượng.	Đánh giá tự động mạng từ tiếng Việt (Vietnet) dựa trên mạng từ tiếng Anh (Wordnet) cho các danh từ chỉ hoạt động	344
29	Liêu Linh Chuyên, Nguyễn Thị Linh Tú, Hà Thị Hương	Một số vấn đề cần lưu ý khi dịch từ ngữ liên quan đến giáo dục từ tiếng Việt sang tiếng Hán	354
30	Nguy Văn Thuỳ, Nguyễn Thị Hoài Ly	Khảo cứu lỗi sinh viên thường gặp khi dịch tiếng Anh chuyên ngành khối kinh tế	365
31	Đặng Thị Thanh Lan, Phạm Thế Châu	Một số lỗi sai thường gặp khi sinh viên dịch kết cấu chữ “的” từ tiếng Hán sang tiếng Việt, cũng như dịch ngược lại và biện pháp khắc phục	376
32	Huỳnh Thị Chiêu Uyên, Bùi Thị Thanh Trúc, Phạm Thế Châu	Nâng cao khả năng giao tiếp cho sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc qua việc nghiên cứu cách nói khôn khéo của người phục vụ trong nhà hàng	388
33	Phan Gia Nhật	Khảo sát nhận thức của sinh viên chuyên ngữ tiếng Nhật năm nhất Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về vấn đề điểm nhìn khi sử dụng nhóm động từ di chuyển có hướng và động từ cho-nhận trong tiếng Nhật	397
34	Bùi Bình Minh	Ngữ nghĩa của từ chỉ màu đỏ trong tiếng Nga và tiếng Việt	404
35	Nguyễn Thị Kim Liên	Cấu trúc ngữ nghĩa cụm danh từ mở rộng tiếng Đức – đánh giá năng lực dịch	413
	Session 5 English Language Teaching and Professional Development (ENG)		
36	Phạm Thị Hồng Nhung	Teacher Students’ Oral Feedback Discourse on Peer Learners’ Performance in Micro-Teaching	424
37	Phạm Hồng Anh	Role development and transformation in online EFL writing classes: a case study in a tertiary context	435
38	Nguyễn Trịnh Thảo Trinh, Nguyễn Hồ Hoàng Thủy	Technology literacy, confidence and professional plans: A case study of EFL novice teachers	451

39	Nguyễn Thu Hà	The influences of instructional interventions aligned with the IELTS writing rubric: an action research	463
40	Nguyễn Hoàng Phương Mai, Nguyễn Lê Bảo Ngọc	An investigation of English-Majored students' perceptions on the use of online reflective blogs in Vietnam	484
41	Hồ Thị Quỳnh Như	Evaluating the Effectiveness of Online English Language Teaching as an alternative platform in vocation classes	496
42	Lê Thị Phương Chi, Nguyễn Hồ Hoàng Thủy	EFL students' perceptions of the effects of the use of humor in English speaking classes	506
43	Bùi Phú Hưng	Contextualizing assessment for learning in Asian L2 classrooms	518
	Session 6 <i>Dạy ngoại ngữ và Phát triển nghiệp vụ (VIE)</i>		
44	Cao Thị Xuân Liên	Nhận thức của sinh viên về việc áp dụng hình thức học tập kết hợp trong giảng dạy ngoại ngữ	534
45	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Một số phương pháp ôn luyện từ vựng hiệu quả dựa trên hoạt động của bộ nhớ	551
46	Nguyễn Thị Xuyên, Võ Lê Thúy Nga	Ảnh hưởng của hình minh họa trong giáo trình Explorer 2 đến sự hứng thú và khả năng đọc hiểu của người học	560
47	Nguyễn Đình Ngọc Trân, Trần Thị Thu Hiền, Phan Đình Ngọc Châu	Nhận thức về thực tập của sinh viên tiếng Pháp chuyên ngành du lịch	571
48	Trần Thị Thùy Linh	Ảnh hưởng của hoạt động phản hồi đồng đẳng đến năng lực tự chủ học tập kỹ năng viết của sinh viên quốc tế	578
49	Phan Đình Ngọc Châu, Trần Thị Thu Hiền, Nguyễn Đình Ngọc Trân	Động cơ học tập tiếng Pháp của sinh viên tiếng Pháp không chuyên ngữ	590
50	Võ Lê Thúy Nga, Vũ Trâm Anh	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến động lực học tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành thời kỳ hậu Covid-19: Trường hợp nghiên cứu tại Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	606
51	Nguyễn Thị Hương Huế	Giảng dạy môn hướng dẫn viên du lịch theo mô hình lớp học đảo ngược	616
52	Nguyễn Văn Đồng	Vận dụng tri thức ngữ âm lịch sử vào việc dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài	625

	Session 7		
	Kiểm tra đánh giá và quản lý đào tạo ngoại ngữ (VIE-ENG)		
53	Nguyễn Hồ Hoàng Thủy	Nghiên cứu cơ hội áp dụng kết quả bồi dưỡng năng lực khảo thí tiếng Anh và tác động của hoạt động bồi dưỡng lên quá trình phát triển nghiệp vụ của giáo viên	634
54	Hoàng Thị Thu Hạnh, Trần Thị Khánh Phước, Phạm Thị Tuyết Nhung	Nghiên cứu các biện pháp hỗ trợ sinh viên tiếng Pháp đạt chuẩn đầu ra chuyên ngữ	648
55	Tổng Thị Lan Chi, Phạm Thị Hồng Nhung	Washback effects of high-stakes English tests: Direction and intensity	655
56	Đào Phong Lâm, Trịnh Quốc Lập	Đo lường việc đạt được chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo ngôn ngữ: Sự tham gia của sinh viên thông qua khảo sát đánh giá dựa vào chiêm nghiệm mức độ đạt được chuẩn đầu ra cấp học phần trong một chương trình đào tạo ngôn ngữ Anh	666
57	Nguyễn Thị Hương Trà	Khả năng triển khai mô hình hoạt động hợp tác (Peer learning) vào giảng dạy tiếng Nhật thương mại: Nhìn từ kết quả khóa tập huấn dành cho giảng viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	678
58	Trần Khai Xuân, Nguyễn Thị Quỳnh Vân, Vương Huệ Nghi	Kết quả thử nghiệm hệ thống kiểm tra đánh giá trực tuyến học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp	689
59	Liu Lixian, Liêu Linh Chuyên	Hoàn thiện mô hình hợp tác đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực “Tiếng Trung + ” giữa các trường đại học Việt Nam và Trung Quốc	700
60	Phạm Thế Châu, Đặng Thị Thanh Lan, Huỳnh Thị Chiêu Uyên, Bùi Thị Thanh Trúc	Nâng cao sự hài lòng của người học về hoạt động giảng dạy và đánh giá giữa kỳ đối với môn tiếng Trung Quốc 3 tại HUFLIT	712
61	Vũ Trâm Anh, Nguyễn Thị Xuyên	Khảo sát về việc chuyển đổi môn ngữ pháp thành môn học chính thức trong chương trình đào tạo sinh viên ngành ngôn ngữ Anh, Trường Đại Học Ngoại Ngữ Tin Học TPHCM	722
62	Lương Ngọc Khánh Phương	Đề xuất tổ chức các học phần về nghệ thuật Việt Nam cho người nước ngoài trong chương trình đào tạo đại học theo hướng phát triển năng lực tiếng Việt	731

63	Nguyễn Việt Thi	Đánh giá hiệu quả của việc học văn hóa doanh nghiệp kiểu Nhật thông qua giờ học tiếng Nhật thương mại ở trường Đại học Việt Nhật	741
64	Tổng Thị Lan Chi	Factors generating washback of high-stakes tests: Which matters in Vietnamese secondary educational context?	751
	Session 8 Giáo dục phổ thông (ENG)		
65	Nguyễn Văn Hường	Scaffolding in English writing by high school students in Vietnam	766
66	Cao Lê Thanh Hải, Trương Hoàng Lê, Hồ Thị Mỹ Hậu	An investigation into the teaching of cultural elements in English textbooks at some high schools in Hue, Vietnam	778
67	Nguyễn Hồ Bảo Trân, Nguyễn Hồ Hoàng Thủy, Lê Thị Thanh Hải	Teachers' perceptions of scaffolding EFL students' listening comprehension at some high schools in central Vietnam	790
68	Nguyễn Thị Diệu Hà	The interface of words and images in Vietnamese and English children's picture books in depicting child characters	806

NGHIÊN CỨU CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ SINH VIÊN TIẾNG PHÁP ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CHUYÊN NGỮ

Hoàng Thị Thu Hạnh¹, Trần Thị Khánh Phước², Phạm Thị Tuyết Nhung³

^{1,2,3}*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế*

Email: htthanh@hueuni.edu.vn

Tóm tắt: Hiện nay, đào tạo bậc đại học theo chuẩn đầu ra (CĐR) là xu hướng tất yếu. CĐR phải được công khai, ghi rõ trong tất cả các chương trình đào tạo ngay từ đầu. Đây là yêu cầu tối thiểu mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. Như vậy, khi CĐR chuyên ngữ tăng lên để đáp nhu cầu xã hội và yêu cầu trong lộ trình nâng chuẩn thì cần đảm bảo các biện pháp giúp người học đạt được CĐR này. Để sinh viên (SV) tiếng Pháp, để đạt CĐR tiếng Pháp bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam cần có các biện pháp phù hợp. Báo cáo này trình bày kết quả nghiên cứu về những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập giúp SV đạt CĐR.

Từ khóa: Chuẩn đầu ra, biện pháp, sinh viên tiếng Pháp.

1. Mở đầu

Hiện nay, đào tạo các cấp nói chung và đào tạo đại học nói riêng luôn hướng tới chuẩn đầu ra; các ngành đào tạo tại Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế (ĐHNH, ĐHH) không ngoại lệ, đặc biệt tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học cần thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo Dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. CĐR là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp. Các ngành đào tạo chuyên ngữ và sư phạm tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đã nâng chuẩn chuyên ngữ từ bậc 4/6 lên bậc 5/6 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam. Điều này khẳng định và cam kết chất lượng đào tạo của trường nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức cho cơ sở đào tạo, khoa chuyên môn và người học. Vì vậy, cần có các nghiên cứu về thực trạng và biện pháp của giảng viên nhằm giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra.

Bài báo cáo này sẽ trình bày trước tiên cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và kết quả nghiên cứu chính về vấn đề trên và đưa ra các hướng thảo luận trong hội thảo với mong muốn cụ thể hóa các biện pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Pháp, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để họ có thể đạt được trình độ tiếng Pháp theo CĐR của ngành học.

2. Cơ sở lý thuyết và cơ sở thực tiễn

2.1. Cơ sở lý thuyết

Để đánh giá được các biện pháp giúp đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo cần hiểu rõ các khái niệm liên quan:

Chuẩn đầu ra:

Đây là khái niệm gắn liền với đào tạo từ đầu thế kỉ 21, được nền giáo dục các nước tiên tiến, cũng như những tổ chức giáo dục quốc tế quan tâm và phát triển.

Chuẩn đầu ra có thể hiểu là “sự khẳng định của những điều kỳ vọng, mong muốn một người tốt nghiệp có khả năng làm được nhờ kết quả của quá trình đào tạo” (Jenkins and Unwin, 2001); Theo Tổ chức UNESCO (2011), CĐR là toàn bộ thông tin, kiến thức, sự hiểu biết, giá trị, kỹ năng, năng lực hoặc hành vi đòi hỏi một người làm chủ được nhờ vào việc hoàn thành một chương trình giáo dục

Theo Mike Coles and Andrea Bateman (2015), CĐR có thể hiểu ở các ngữ cảnh khác nhau:

– *Trong tiêu chuẩn nghề nghiệp*: Để xác định các công việc và mong đợi của nghề. Là cơ sở xác định thực hành công việc, đào tạo thường xuyên, tuyển dụng, hệ thống đánh giá năng lực hành nghề, đối thoại xã hội. Tiêu chuẩn nghề nghiệp cũng được sử dụng để định nghĩa các trình độ giảng dạy ngoại ngữ/giáo dục ngoại ngữ?

– *Trong chương trình đào tạo*: Để xác định kết quả mong đợi của mỗi hoạt động học tập. Hướng dẫn giáo viên trong quá trình dạy học, lựa chọn phương pháp. Thông tin đến người học, họ được yêu cầu khả năng làm được, hiểu biết gì sau một hoạt động học.

– *Trong tiêu chí đánh giá*: Để xác định những gì cần đánh giá và bảo đảm rằng CĐR (một trình độ hoặc một hoạt động học tập/mô đun) đã được đáp ứng. Tạo sự đồng nhất trong việc đánh giá năng lực người học.

– *Trong hệ thống các văn bằng trình độ*: Để xác định mong đợi chung đối với một người sở hữu văn bằng. Thông tin đến người sử dụng lao động khi tuyển dụng một người sở hữu văn bằng. Thông tin đến người học trong giai đoạn định hướng nghề nghiệp, và do đó cũng dùng cho người làm hướng nghiệp.

– *Trong khung trình độ*: Để xác định mức độ học tập và phân loại các hình thức và loại trình độ trong khung theo các bậc trong một quốc gia; tăng sự hiểu biết giữa các nước về các bậc trình độ quốc gia.

Định nghĩa CĐR đối với chương trình giáo dục đại học được quy định tại Khoản 8 Điều 2 Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đó:

Chuẩn đầu ra (Expected Learning Outcome) là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi quan tâm đến CĐR của chương trình đào tạo, theo Quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo. Vì vậy, khi bàn về các biện pháp giúp đạt chuẩn cần chú trọng kỳ vọng của mỗi hoạt động học tập về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân, lựa chọn phương pháp giảng dạy của giảng viên, lựa chọn phương pháp học tập.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Theo Công văn số 955/BGDĐT-ĐANN về hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 của Đề án ngoại ngữ quốc gia và đề xuất kế hoạch triển khai tại đơn vị do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: “Tiếp tục thực hiện lộ trình áp dụng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ đạt Bậc 3 đối với sinh viên tốt nghiệp các ngành không chuyên ngoại ngữ, Bậc 5 đối với sinh viên tốt nghiệp các ngành chuyên ngoại ngữ; Mục tiêu là 80% các ngành đào tạo chuyên ngoại ngữ, 60% các ngành khác triển khai chương trình ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành đào tạo vào năm 2023.

Hiện nay, các trường có đào tạo ngành ngôn ngữ nước ngoài đã tăng CĐR lên bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam, tương đương C1 theo khung chuẩn năng lực ngoại ngữ của châu Âu. Sau các ngành Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế đã nâng chuẩn này đối với các ngành ngôn ngữ và sư phạm còn lại, trong đó có Ngôn ngữ Pháp và Sư phạm tiếng Pháp từ khóa tuyển sinh 2021, Khóa K18.

Như vậy, cùng nhiều trường có giảng dạy ngoại ngữ, Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế đã thực hiện lộ trình đạt chuẩn đầu ra phù hợp với chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như yêu cầu ngày càng cao của xã hội và thị trường việc làm. Đây cũng là một thách thức lớn đối với người dạy cũng như người học.

3. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu bằng phương pháp định lượng kết hợp với định tính:

Khảo sát bằng bảng hỏi các giảng viên giảng dạy tiếng Pháp về thực trạng giảng dạy, thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy để giúp SV đạt CĐR, các biện pháp đang áp dụng và đề xuất các biện pháp thích hợp cho những đối tượng liên quan.

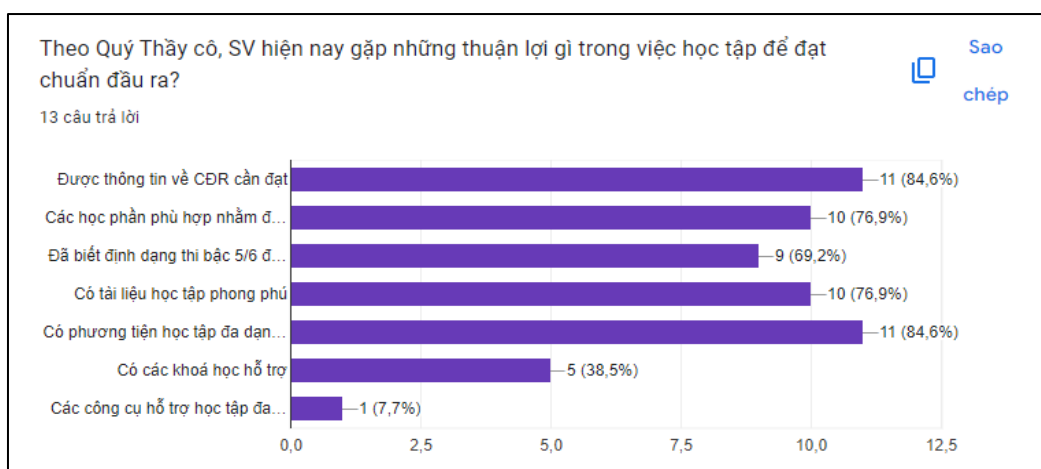
Phỏng vấn nhóm sinh viên tiếng Pháp K18 của Khoa Tiếng Pháp-Tiếng Nga theo nhóm về trình độ đầu vào, thuận lợi và khó khăn trong học tập, nhận thức về CĐR 5/6, thời gian học tại trường và tự học, những nguyện vọng và mong muốn của SV liên quan đến việc học tiếng Pháp.

4. Kết quả nghiên cứu

Các biện pháp hỗ trợ sinh viên tiếng Pháp đạt chuẩn đầu ra chuyên ngữ

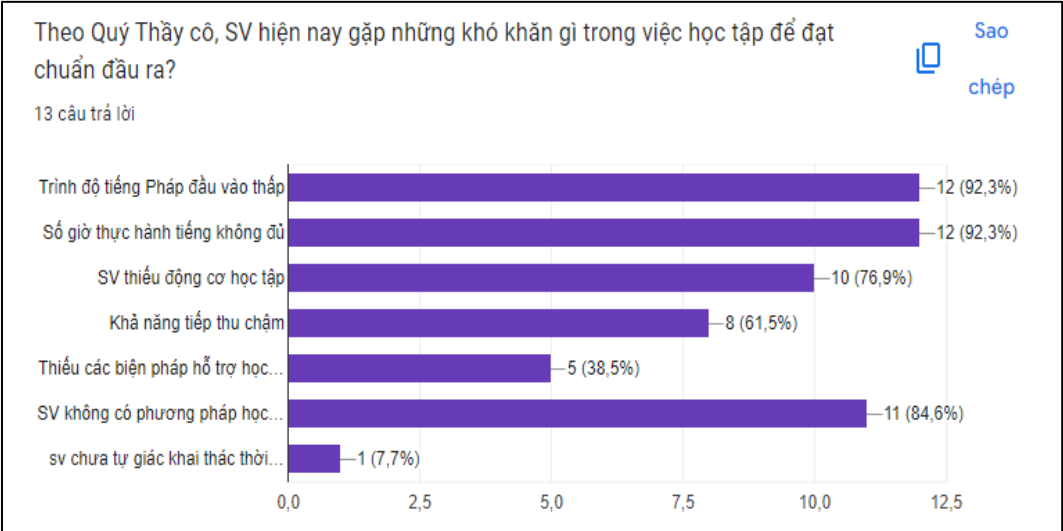
Từ các kết quả khảo sát, chúng tôi có thể làm rõ thực tế giảng dạy và các biện pháp mà giảng viên đã thực hiện để giúp sinh viên tiếng Pháp có thể đạt trình độ tiếng Pháp theo chuẩn đầu ra của ngành:

Về các thuận lợi trong học tập, những yếu tố hỗ trợ SV trau dồi trình độ ngoại ngữ và giúp họ đạt chuẩn đầu ra tiếng Pháp, khảo sát đã cho thấy 2 yếu tố được đa số giảng viên chọn (84,6%) đó là có thông tin về CĐR và có phương tiện học tập đa dạng. Ngoài ra, còn có các thuận lợi như sự phù hợp của các học phần, tài liệu học tập, các khóa học hỗ trợ của Khoa tổ chức.



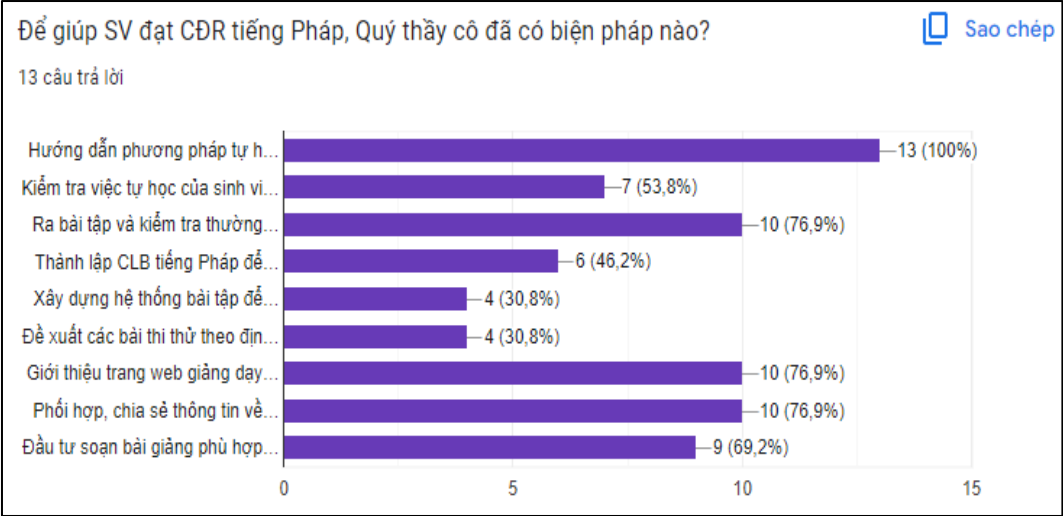
Phản hồi của sinh viên giúp nhóm nghiên cứu khẳng định các thuận lợi trên. Ngoài ra SV còn đề cập đến phương pháp giảng dạy và sự động viên, nhắc nhở thường xuyên của giảng viên cũng giúp họ tiến bộ trong học tập. Tuy nhiên, về hiểu biết về CĐR bậc 5/6 thì tất cả SV đều biết nhưng nói rõ yêu cầu cụ thể về ngôn ngữ còn mơ hồ, cần thêm thông tin hơn.

Bên cạnh những thuận lợi, giảng viên và SV gặp một số khó khăn sau: Trình độ ban đầu của SV thấp (92,3%), số giờ thực hành tiếng không đủ (92,3%), SV thiếu phương pháp học tập (84,6%) là 3 khó khăn lớn nhất. Khó khăn tiếp theo liên quan đến động cơ học tập và khả năng tiếp thu của SV (76,9% và 61,5%). Đây cũng là nhận định từ những năm gần đây, khi cơ hội việc làm của cử nhân ngôn ngữ Pháp và sư phạm Pháp hạn chế, đặc biệt ở khu vực miền Trung. Đa số SV cũng đã cho biết ngành học hiện tại không phải là lựa chọn ban đầu của họ và chưa xác định rõ nghề nghiệp trong tương lai khi nhập học.



Tuy nhiên, khi tiến hành phỏng vấn, người học cho biết khó khăn không phải vì thiếu động lực mà họ cảm thấy tiếng Pháp khó và không đủ khả năng đáp ứng kỳ vọng của giảng viên; đồng thời thừa nhận chưa dành thời gian nhiều cho việc học, thời gian tự học trung bình chỉ 90 phút/tuần cho 1 học phần 2 tín chỉ, học 100 phút/tuần tại lớp, trong khi yêu cầu tự học của hầu hết các học phần là gấp đôi thời gian học ở lớp là 200 phút.

Trước những khó khăn trên, giảng viên (GV) đã thực hiện các biện pháp cụ thể như sau: Hướng dẫn phương pháp tự học, ra bài tập và kiểm tra thường xuyên việc làm bài tập, giới thiệu các trang web giảng dạy tiếng Pháp tốt cho SV, phối hợp chia sẻ nguồn học liệu, đây là các biện pháp được nhiều GV sử dụng nhất. Ngoài ra, còn những biện pháp như kiểm tra việc tự học của người học cũng được chú trọng, do việc tự giác học tập của SV còn hạn chế.



Về phía SV, khi được hỏi về mong muốn của họ đối với GV, Khoa, Trường để giúp họ học tập hiệu quả hơn và đạt được chuẩn đầu ra C1 thì họ khá lúng túng, chỉ lặp lại các thuận lợi họ đã có. Một số SV có đề xuất nên hướng dẫn dạy chậm hơn. Bên cạnh đó, các SV lại có mong muốn gần như ngược lại là cho thêm bài tập nâng cao để dễ dàng tiếp cận trình độ bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam.

Về phía GV, ngoài các biện pháp đã thực hiện, người dạy đã đưa ra các đề xuất biện pháp cải tiến việc giảng dạy; các đề xuất về chính sách cho Khoa chuyên môn, các đơn vị, tổ chức liên quan và Trường:

Đề xuất đối với GV về giảng dạy: Áp dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt, phù hợp với đối tượng, với nội dung, mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần và của ngành. Tăng cường các hoạt động giúp SV thực hành, soạn các bài tập hợp tác (apprentissage collaboratif) để sinh viên có thể tự giúp đỡ và hỗ trợ nhau trong học tập, ví dụ trong việc soạn các bài viết, chuẩn bị bài nói, tìm thông tin của chủ đề đọc hiểu, dịch...

Sử dụng các công cụ công nghệ thông tin có tính tương tác và hợp tác cũng là một giải pháp giúp GV theo dõi được quá trình làm việc của SV để có sự can thiệp kịp thời.

Về kiểm tra đánh giá, cần kết hợp các loại đánh giá một cách có hiệu quả, luôn luôn sử dụng đánh giá đầu vào (évaluation diagnostique) khi bắt đầu 1 học phần, tăng cường đánh giá trong quá trình học tập (évaluation formative) liên tục với nhiều hình thức (bài tập tại chỗ, bài tập nhóm, bài tập về nhà...).

Về nội dung học tập, GV nên chọn các chủ đề học liên quan đến các mối quan tâm của giới trẻ, phát triển xã hội giáo dục của Việt Nam và cộng đồng Pháp ngữ và thế giới. Ngoài ra, thiết kế hoạt động đa dạng giúp SV phát triển tư duy phản biện và khả năng tự học tự nghiên cứu cũng cần được chú trọng.

Cần tăng cường các biện pháp hỗ trợ SV học tập thêm ngoài giờ học trên lớp: Thành lập CLB tiếng Pháp có sự tham gia của các giảng viên trẻ năng động. Ưu tiên tổ chức nhiều hoạt động vừa học vừa chơi thú vị để tạo động lực học tập và nuôi dưỡng tình yêu với ngôn ngữ mình chọn, ví dụ tổ chức: Cuộc thi hát/karaoke, thi Rung chuông vàng, thi viết chính tả, gặp gỡ người nói tiếng Pháp bản xứ,... các hoạt động ngoại khóa phong phú, hấp dẫn để vừa thu hút sinh viên tham gia, vừa thiết thực tạo môi trường trau dồi thực hành tiếng và kiến thức chuyên ngành.

Biện pháp rèn luyện cho SV kỹ năng làm bài: Biên soạn các tài liệu hỗ trợ bám sát định dạng đầu ra bậc 5/6 để SV làm quen định dạng; Tổ chức một số hoạt động thi thử để SV có nhận thức đúng về trình độ hiện tại cũng như đánh giá năng lực cho SV nhằm có những điều chỉnh kịp thời trong quá trình chuẩn bị cho SV trước khi thi chính thức.

Khoa tích cực hơn nữa trong việc giới thiệu, đề xuất sách, tài liệu cho SV, GV để Trường/thư viện mua phục vụ dạy/học.

Tìm các nguồn học bổng trao đổi sinh viên giữa các trường có giảng dạy tiếng Pháp trong khu vực và quốc tế.

Tổ chức một số buổi tập huấn về phương pháp giảng dạy, ứng dụng, tài liệu, công cụ hỗ trợ khác để GV và SV có thể sử dụng và khai thác hiệu quả.

Đối với các phòng ban chức năng, làm cầu nối liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu nhân lực ngoại ngữ giúp tạo thêm môi trường thực hành cho các em, đồng thời

đảm bảo quyền lợi cơ bản cho SV khi tham gia các hoạt động ngoài trường; ký kết hợp tác với các đối tác pháp ngữ để cung cấp các khóa học ngắn ngày tại các Trường Pháp ngữ cho SV được giao lưu và rèn luyện hiệu quả trong môi trường quốc tế.

Trên đây là những đề xuất của giảng viên tham gia khảo sát.

5. Thảo luận và đề xuất

Từ thực trạng và đề xuất của GV cũng như SV, trong khuôn khổ bài báo cáo này, nhóm nghiên cứu muốn đề xuất các hướng cải tiến nhằm giúp SV học tập hiệu quả và đạt được CĐR của ngành đào tạo, đây cũng là các nội dung cần thảo luận để tìm được các biện pháp khả thi và phù hợp nhất, đạt được mục đích chính của nghiên cứu:

Đối với từng nhóm khó khăn cần có những biện pháp cụ thể:

- Nhiều SV chưa hiểu rõ về CĐR chuyên ngữ 5/6 tiếng Pháp:

Nâng cao nhận thức và hiểu biết của SV về chuẩn đầu ra chuyên ngữ, các yêu cầu cụ thể về ngôn ngữ ở cấp độ 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam thông qua các buổi tập huấn về đào tạo đầu năm của phòng Đào tạo dành cho GVCV, gặp gỡ SV đầu năm của Khoa, các hội thảo học tập của SV.

Giúp SV có cơ hội và tiếp cận nội dung thi thử theo định dạng thi chứng nhận năng lực bậc 5/6.

- Trình độ tiếng Pháp ban đầu hạn chế, tiếp thu chậm:

Hỗ trợ SV học và tự học bằng các hệ thống bài tập từ dễ đến khó, ứng dụng CNTT, hệ thống quản lý học tập LMS để tạo các bài tập và theo dõi quá trình tự học của người học, duy trì các lớp học phụ đạo cho SV K18; Kết hợp với hoạt động ngoại khóa có rèn luyện ngôn ngữ của các CLB trong và ngoài trường.

- SV thiếu động lực trong học tập:

Đa dạng phương pháp giảng dạy, hoạt động học tập, tổ chức CLB tiếng Pháp có các hoạt động hấp dẫn và hữu ích, kết hợp các tổ chức và đơn vị khác tạo sân chơi Pháp ngữ cho SV. Kết nối doanh nghiệp, tạo cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

Ngoài ra, Khoa chuyên môn, các phòng liên quan, Trường cần phối hợp để đề xuất các chính sách hỗ trợ giảng dạy và học tập đồng bộ, liên tục.

6. Kết luận

Qua nghiên cứu cơ sở lý thuyết, thực tiễn và đặc biệt khảo sát các biện pháp hỗ trợ SV tiếng Pháp trong học tập, kết quả nghiên cứu đã cho thấy tầm quan trọng của CĐR trong đào tạo hiện nay cũng như mối quan tâm của SV và GV về việc đáp ứng CĐR. CĐR bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam là một thách thức lớn. Vì vậy, người dạy và người học cần nỗ lực hơn nữa cũng như cần có sự hỗ trợ thường xuyên từ phía Khoa, Trường, các tổ chức liên quan để có những biện pháp hữu hiệu giúp SV đạt CĐR chuyên ngữ. Kết quả của nghiên cứu này chỉ phản ánh thực trạng nhưng đồng thời cũng mở ra các hướng nghiên cứu sâu hơn nhằm đưa ra các biện pháp cụ thể và có tính ứng dụng cao như xây dựng hệ thống bài giảng, bài tập, bài thi thử ở cấp độ 5/6, những nguồn học liệu này hiện nay đang còn hạn chế. Ngoài ra, cần nghiên cứu các ứng dụng CNTT để giúp SV tiếp cận và sử dụng được nguồn học liệu này dễ dàng, hoặc các biện pháp liên quan đến tổ chức các hoạt động hỗ trợ hữu ích.

Tài liệu tham khảo

Coles, M. and Bateman, A. (2015), Extended learning outcomes paper, Seventh Meeting of the Task Force on ASEAN Qualifications Reference Framework (TF-AQRF) back to back with AANZFTA Workshop on AQRF Referencing Guidelines, Bangkok, Thailand, 6-8 October 2015.

Jenkins, A. & Unwin, D. (2001), How to write learning outcomes. Available online: <http://www.ncgia.ucsb.edu/education/curricula/giscc/units/format/outcomes.html>

Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=203478>

Biện pháp cải thiện việc học đáp ứng chuẩn đầu ra, UNESCO (2011), <https://learningportal.iiep.unesco.org/fr/fiches-pratiques/ameliorer-lesapprentissages/programme-et-resultats-dapprentissage-escomptes>

AN INVESTIGATION INTO METHODS HELPING FRENCH MAJORED STUDENTS ACHIEVE THE REQUIRED LEARNING OUTCOME

Abstract: Currently, university training based on program learning outcomes (PLOs) is an inevitable trend. All PLOs need to be public and clearly stated in all training programs from the beginning. This is the minimum requirement that learners need to achieve after graduation and is committed by the educational institution to learners and society along with conditions to ensure its implementation. As program learning outcomes for language majors increase to meet society's needs and requirements in the standardization process, it is necessary to ensure proper methods to help learners achieve these outcomes. For French-majored students aiming to achieve learning outcomes at levels 5/6 according to the Vietnamese Foreign Language Proficiency Framework, appropriate measures are needed. This report presents the research results on methods to enhance the effectiveness of teaching and learning to help students achieve these learning outcomes.

Từ khóa: Learning outcome, methods, French-majored students.